

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 18 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh.

Các hội thẩm nhân dân: ông Đinh Công Ó và bà Lê Thị Bồng.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên tòa: ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 98/2021/TLST – HS, ngày 31/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST – HS, ngày 15/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/HSST – QĐ, ngày 27/9/2021 đối với các bị cáo:

1. **Mùa A D** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1992 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: bản S, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 3/12. Dân tộc: Mông. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo, đảng phái, đoàn thể: Không.

Con ông Mùa A G (đã chết) và con bà Tráng Thị N, có vợ là Sòng Thị B và có 04 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Theo quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 52/QĐ – TA, ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên với thời hạn cai nghiện bắt buộc là 24 tháng; Tại bản án số 29/2021/HSST, ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2021 đến nay (theo Lệnh tạm giữ, tạm giam của Công an huyện BY, tỉnh Sơn La), bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Mùa Thị P** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 5 năm 1993 tại xã Đ, huyện BY, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: bản L, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ. Dân tộc: Mông. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo, đảng phái, đoàn thể: Không.

Con ông Mùa A K (đã chết) và con bà Sông Thị F (đã chết), có chồng là Sông A J và có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/6/2021 bị UBND xã S, huyện Phù Yên ban hành quyết định số 101/QĐ – UBND về việc quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* anh Sông A T, sinh năm 1992; Trú tại bản L, xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người phiên dịch:* anh Thào A Mua, sinh năm 1987. Dân tộc: Mông. Cư trú tại bản Suối Thịnh, xã SB, huyện Phù Yên. Công tác tại Phòng Dân tộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/6/2021 Mùa A D mượn xe máy nhãn hiệu Hon đa Wave, biển kiểm soát 26B2 428.61 của anh Sông A C, (sinh năm 1990, trú tại bản L, xã S, huyện Phù Yên) rồi rủ Mùa Thị P đi soi ếch ở khu vực thủy điện Đ, đến khoảng 03 giờ sáng ngày 12/6/2021 khi đi về nhà thì cả hai nhìn thấy tại gần thủy điện Đ có một đàn dê của anh Sông A T, (sinh năm 1992, trú tại bản L, xã S, huyện Phù Yên) đang nằm ngủ, không có ai trông coi. Mùa A D nảy sinh ý định trộm cắp dê nên rủ Mùa Thị P bắt trộm để đi bán lấy tiền chia nhau tiêu sài thì được P đồng ý. D và P cùng đuổi bắt được một con dê đực, lông màu đen. Sau đó, P ôm giữ con dê ngồi phía sau, còn D điều khiển xe máy chở P ra bản L, xã S, huyện Phù Yên. Đến ngã ba đường thuộc bản L thì P điều khiển xe máy đi về nhà, còn D lấy dây rừng buộc con dê rồi một mình dắt theo đường dân sinh về buộc ở lán nương của gia đình và gọi điện cho Thào A G, sinh năm 1970, trú tại: bản B, xã

S, huyện Phù Yên đến mua với giá 130.000 đồng/kg. Mùa A D nói với bà Tráng Thị H, sinh năm: 1967, trú tại: bản S, xã S, huyện Phù Yên (*là mẹ của D*) con dê là do D mua được và nhờ H bán lại cho Thào A G. Ngày 15/6/2021, bà H dắt con dê đến lán nướng của ông Thào A W, sinh năm: 1961, trú tại bản S, xã S, huyện Phù Yên, mượn cân của W để cân con dê được 24,5kg và bán cho anh G với số tiền 3.180.000 đồng. Tráng Thị H đã giao toàn bộ số tiền bán dê là 3.180.000 đồng cho Mùa A D. Nhận được tiền, D chia lại 800.000,đ cho Mùa Thị P, số còn lại D một mình đi ăn tiêu cá nhân và mua ma túy để sử dụng thì bị Công an huyện BY phát hiện, bắt quả tang. Đối với anh Thào A G sau khi mua được dê đã mang con dê bán lại cho anh Thào A K, sinh năm 1996, trú tại bản SG, xã SB, huyện Phù Yên với giá 4.050.000,đ. Ngày 18/6/2021, anh K bán con dê cho một người đàn ông không quen biết với giá 4.185.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất dê, ngày 01/7/2021 anh Sòng A T có đơn trình báo với cơ quan công an huyện Phù Yên về việc mất trộm tài sản. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của anh T, cơ quan điều tra công an huyện Phù Yên đã tiến hành điều tra, xác minh, khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai những người liên quan.

Ngày 01/7/2021 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên ban hành yêu cầu định giá tài sản số 156/YC - ĐCSHS để định giá đối với số tài sản do bị cáo D và P trộm cắp là: 01 con dê đực, lông màu đen, sừng dài 18cm, khoảng 1,5 tuổi, tình trạng sức khỏe bình thường, các bộ phận trên cơ thể của con dê còn nguyên vẹn.

Tại kết luận định giá tài sản số 54/KLĐGTS, ngày 02/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 con dê (có đặc điểm như mô tả theo yêu cầu định giá tài sản số 156/YC - ĐCSHS, ngày 01/7/2021), có trị giá trị là: 3.920.000,đ. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 3.920.000,đ. (Ba triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 03 giờ sáng ngày 12/6/2021, sau khi đi soi ếch ở gần khu vực thủy điện Đ (thuộc huyện BY) về nhà, bị cáo D đã rủ bị cáo P lấy trộm 01 con dê đực màu đen của anh Sòng A T, trị giá 3.920.000,đ, sau khi mang dê về, bị cáo D đã gọi điện cho anh Thào A G đến mua với giá 130.000,đ/kg và bị cáo D đã nói dối với bà H đây là con dê do bị cáo mua được và bị cáo D đã nhờ mẹ của mình là bà Tráng Thị H bán dê cho anh G, bà H đã dắt con dê đến lán nướng của ông Thào A W, sinh năm 1961, trú tại bản S, xã S để mượn cân của ông W và cân con dê được 24,5kg và bán cho anh G được số tiền 3.180.000,đ, số tiền bán dê bà H đưa toàn bộ cho bị cáo D, sau khi nhận được tiền bà H đưa, bị cáo D đã chia cho bị cáo P số tiền 800.000,đ, số tiền còn lại bị cáo đã chi tiêu cá nhân và đi mua ma túy để sử dụng thì bị cơ quan công an huyện BY bắt giữ.

Bị cáo Mùa Thị P khai nhận: Tôi ngày 11/6/2021 bị cáo và bị cáo D cùng nhau đi soi ếch, khi đi về thì bị cáo D rủ trộm cắp dê của người khác để bán lấy

tiền tiêu sài, bị cáo đã đồng ý và cùng với bị cáo D bắt trộm một con dê đực lông màu đen rồi cả hai mang con dê về nhà, đến khu vực bản L thì bị cáo điều khiển xe máy đi về nhà, còn bị cáo D dắt con dê đi về lán nương của gia đình D để tìm người mua, sau khi bán được dê, bị cáo được bị cáo D chia cho số tiền 800.000,đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo Mùa A D, Mùa Thị P đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải và mong muốn người bị hại tha thứ cho hành vi phạm tội của mình.

Người bị hại anh Sông A T trình bày: Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bản thân anh và gia đình, anh em họ hàng đi tìm con dê nhưng không thấy, sau khi trình báo việc mất trộm tài sản với cơ quan công an thì được biết thủ phạm lấy trộm tài sản của anh là bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P và con dê của anh cũng đã bị các đối tượng bán đi, hiện không thu hồi lại được. Đến nay tại phiên tòa anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh trị giá con dê theo kết quả định giá của cơ quan chức năng là 3.920.000,đ và tiền công tìm kiếm con dê là 2.000.000,đ, cụ thể tiền công tìm kiếm tài sản như sau:

- 10 người x 150.000,đ x 01 ngày = 1.500.000,đ.
- 05 xe máy x 100.000,đ x 01 ngày = 500.000,đ.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 78/CT - VKS, ngày 31/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên đã truy tố các bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Mùa A D, Mùa Thị P phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 38; điều 56; điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mùa A D từ 12 đến 15 tháng tù.

Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung với bản án số 29/2021/HSST, ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2021.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 38; điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mùa Thị P từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/7/2021.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

- Bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P phải liên đới bồi thường cho người bị hại gia đình anh Sông A T giá trị tài sản bị mất là 3.920.000,đ và tiền công tìm kiếm tài sản bị mất trộm là 2.000.000,đ, theo phân:

- Bị cáo D phải bồi thường tiền giá trị con dê là 2.600.000,đ và 1.000.000,đ tiền công tìm kiếm con dê, tổng cộng là 3.600.000,đ.

- Bị cáo P phải bồi thường tiền giá trị con dê là 1.320.000,đ và 1.000.000,đ tiền công tìm kiếm con dê, tổng cộng là 2.320.000,đ.

Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo và sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn do đó đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố, đồng thời đã giải thích, tạo điều kiện để bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án cả hai bị cáo đều là người dân tộc Mông, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo P không biết chữ, khả năng nghe và nói tiếng phổ thông (tiếng Kinh) còn hạn chế. Để đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo cũng như để bảo đảm khách quan, vô tư trong quá trình xét xử, Tòa án đã yêu cầu người phiên dịch, nghe và nói tiếng Mông thành thạo để phiên dịch cho các bị cáo là anh Thào A Mua (dân tộc Mông), sinh năm 1984; Công tác tại Phòng Dân tộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Suối Thịnh, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, anh Thào A Mua đã tham gia phiên tòa và đã cam đoan phiên dịch trung thực, vô tư, khách quan và giữ bí mật điều tra mà mình biết được khi phiên dịch, là phù hợp với quy định theo điều 70, 263, 295 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành phạm tội của các bị cáo: Ngày 12/6/2021, các bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P đã có hành vi lén lút, bí mật, trực tiếp trộm cắp 01 con dê của gia đình người bị hại anh Sông A T. Trị giá tài sản bị cáo D và P trộm cắp là 3.920.000,đ (Ba triệu, chín trăm, hai mươi ngàn đồng).

Xét tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Đơn trình báo của người bị hại; Kết luận định giá số 54/KLĐGTS, ngày 02/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phù Yên; Các tài liệu và lời khai nhận tội của các bị cáo; Sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Lời khai của người bị hại, người liên quan; Các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P đã phạm tội Trộm cắp tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo đồng phạm với vai trò gián đơn, bị cáo D là người rủ rê, khởi xướng việc trộm cắp tài sản nên giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo P là đồng phạm trong việc trộm cắp tài sản, cả hai bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 3.920.000,đ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân: Cả hai bị cáo D và P đều có nhân thân xấu, đều là đối tượng nghiện ma túy.

Đối với bị cáo D chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên do bị cáo phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2021 tại huyện BY, tỉnh Sơn La và đến ngày 06/9/2021 đã bị Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La xét xử sơ theo bản án số 29/2021/HS - ST, với mức hình phạt là 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, lần phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là phạm tội sau nhưng bị xét xử trước do đó không tính là bị cáo đã có tiền án, tuy nhiên đến ngày xét xử của tội trộm cắp tài sản thì bản án số 29/2021/HS – ST, ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La đã có hiệu lực pháp luật, do đó lần xét xử này cần tổng hợp cả hai bản án để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 52/QĐ – TA, ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên với thời hạn cai nghiện bắt buộc là 24 (Hai mươi tư) tháng.

Đối với bị cáo Mùa Thị P chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên do là đối tượng nghiện ma túy nên ngày 30/6/2021 đã bị UBND xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La ban hành quyết định số 101/QĐ – UBND về việc quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D và P đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 78/CT – VKS, ngày 31/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều là người thành niên, có sức khỏe, có đủ năng lực hành vi dân sự nhưng lười lao động, không chịu khó tu chí làm ăn, lại cố tình phạm tội, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật. Trong vụ án cả hai bị cáo D và P là người trực tiếp, tích cực thực hiện tội phạm, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người bị hại, do đó cần xử phạt nghiêm khắc với các bị cáo, cần lên mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra và nhân thân của các bị cáo, cần cách ly bị cáo D và P ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo cải tạo giáo dục riêng đối với từng bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Các bị cáo D và P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do đó cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo về hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Xét điều kiện hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định, không tài sản có giá trị, nếu áp dụng hình phạt bổ sung thì khó có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo D đã nhờ mẹ đẻ là bà Tráng Thị H bán con dê cho ông Thào A G, sau đó ông G đã bán lại con dê cho anh Thào A K, sau khi mua được dê của ông G, anh K lại tiếp tục bán con dê cho một người đàn ông không quen biết, do đó vật chứng của vụ án không thu hồi được, cơ quan chức năng đã định giá con dê có giá trị là 3.920.000,đ. Người bị hại anh Sông A T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị con dê theo kết quả định giá là 3.920.000,đ và anh T yêu cầu phải bồi thường tiền công, xăng xe đi tìm kiếm tài sản bị mất là 2.000.000,đ, cụ thể yêu cầu bồi thường như sau:

- Tiền xăng xe đi tìm kiếm 05 xe máy x 100.000,đ/xe x 01 ngày = 500.000,đ (Năm trăm ngàn đồng).

- Tiền công tìm kiếm 10 người x 150.000,đ/người x 01 ngày = 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng cộng là 2.000.000,đ (Hai triệu đồng). Anh Sông A T yêu cầu mỗi bị cáo phải bồi thường tiền công tìm kiếm tài sản bị mất cho gia đình anh là 1.000.000,đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi phát hiện bị mất tài sản, gia đình anh T đã huy động anh em họ hàng đi tìm con dê bị mất. Việc gia đình anh T huy động sức người và xe máy để đi tìm tài sản bị mất là hợp lý, đối với yêu cầu đòi bồi thường về tiền công đi tìm kiếm tài sản bị mất là 150.000,đ/ngày/người và tiền xăng xe là 100.000,đ/x/ngày là phù hợp với mức thu nhập thực tế trên địa bàn, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận yêu cầu của gia đình anh T đối với yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền công, xăng xe tìm kiếm là 2.000.000,đ. Trong vụ án cả hai bị cáo đồng phạm, đều tích cực phạm tội, yêu cầu đề nghị bồi thường của người bị hại là phù hợp, giá trị tài sản trộm cắp được bị cáo D được phần nhiều hơn, do đó cần buộc bị cáo D phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh T nhiều hơn so với bị cáo P đối với phần giá trị tài sản bị mất và các bị cáo đều phải có nghĩa vụ bồi thường bằng nhau đối với số tiền công tìm kiếm cho người bị hại anh T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen trắng, mang biển kiểm soát 26B2 - 428.61 mà bị cáo D đã mượn của anh Sông A C để các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì anh C hoàn toàn không biết việc các bị cáo đã sử dụng chiếc xe máy của mình vào việc phạm tội. Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra công an huyện xác định anh C không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không thu giữ chiếc xe máy của anh C là phù hợp nên Hội đồng không xem xét.

Đối với bà Tráng Thị H (là mẹ đẻ bị cáo D) là người trực tiếp bán con dê cho anh Thào A G và ông Thào A W là người cho bà H mượn cân để cân con dê, cả bà H và ông W đều không biết con dê là tài sản do phạm tội mà có nên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với anh Thào A G và Thào A K là những người đã mua và bán con dê do các bị cáo trộm cắp, tuy nhiên khi mua bán thì cả anh G và anh K đều không biết con dê đó là tài sản do phạm tội mà có, việc mua bán của anh G và anh K là ngay thẳng, do đó không có căn cứ để xử lý đối anh G và anh K.

[8] Về án phí: Gia đình bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P thuộc diện gia đình chính sách (hộ nghèo) theo Quyết định số 155/QĐ – UBND, ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số và sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa, các bị cáo đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Căn cứ vào điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38, điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Mùa A D 12 (Mười hai) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Mùa Thị P 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/7/2021.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt với bản án số 29/2021/HSST, ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La, buộc bị cáo Mùa A D phải chịu trách nhiệm hình sự chung của hai bản án là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 6 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Mùa A D phải có trách nhiệm, nghĩa vụ bồi thường cho anh Sòng A T 3.920.000,đ (Ba triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng), trong đó gồm có 2.920.000,đ (Hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) giá trị tài sản bị mất và 1.000.000,đ (Một triệu đồng) tiền công tìm kiếm tài sản.

- Buộc bị cáo Mùa Thị P phải có trách nhiệm, nghĩa vụ bồi thường cho anh Sòng A T 2.000.000,đ (Hai triệu đồng), trong đó gồm có 1.000.000,đ (Một triệu đồng) giá trị tài sản bị mất và 1.000.000,đ (Một triệu đồng) tiền công tìm kiếm tài sản.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo Mùa A D và Mùa Thị P.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo; Người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/10/2021).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (3);
- Công an huyện Phù Yên;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Lương Anh